

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 24-02-2022

*V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi và vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị

2. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm: 1978

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

Bà B, sinh năm: 1977

Ông C, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà A trình bày:

Bà A là chị ruột của bà B, ông C là chồng bà B.

Bà A có tổ chức chơi hụi, bà B có tham gia chơi hụi, cụ thể: Dây hụi khai ngày

30/01/2015 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng/phần, dây hụi có 20 phần, hụi khai vào ngày 30 tháng 01, tháng 5 và tháng 9 hàng năm, bà B tham gia 01 phần.

Trong dây hụi này bà B hốt hụi ở kỳ khai thứ 4 được 68.100.000 đồng, sau đó bà B đóng hụi đến kỳ khai thứ 12 thì ngưng, không đóng nữa, bà phải choàng hụi cho bà B.

Hiện nay dây hụi này đã mãn do đó bà A yêu cầu bà B và ông C có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền hụi chưa đóng là 40.000.000 đồng (8 kỳ x 5.000.000đ/kỳ).

Ngoài ra vào năm 2019, bà A có cho bà B, ông C vay số tiền 8.600.000 đồng, khi vay không có làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất, bà B hứa 01 năm trả nhưng đến nay không trả.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu bà B và ông C có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nga số tiền nợ vay và nợ hụi tổng cộng là 48.600.000 đồng, hoàn trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi vì số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và bà B dùng số trên để chi tiêu chăm lo cho gia đình.

Số tiền bà A bỏ ra choàng hụi cho bà B, ông C và tiền cho bà B, ông C vay là tiền riêng của bà A do đó đề nghị không đưa chồng bà Nga là ông T vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, bà A không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà B trình bày:

Bà B thống nhất toàn bộ nội dung trình bày và yêu cầu của bà A. Bà B thừa nhận còn nợ bà A số tiền hụi và vay là 48.600.000 đồng. Số nợ này bà B sẽ có trách nhiệm liên đới với chồng để hoàn trả cho bà A vì số tiền hốt hụi và tiền vay bà B mang về chi tiêu trong gia đình.

Bị đơn ông C không có bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim Loan – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền hụi và vay là 48.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà A khởi kiện yêu cầu bà B và ông C có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền hụi là 40.000.000 đồng và số tiền vay là 8.600.000 đồng. Bà B, ông C cư trú tại ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo

yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*”.

Ông T là chồng bà A trình bày số tiền bà A đang khởi kiện bà B, ông C là tiền riêng của bà Nga, trong vụ án này ông không có yêu cầu gì nên không cần thiết phải đưa ông Tuyền vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay bà A, bà B, ông C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 228 xét xử vắng mặt bà A, bà B và ông C.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về nội dung tranh chấp hợp đồng góp hụi:

Bà A khởi kiện yêu cầu bà B, ông C liên đới hoàn trả số tiền hụi 40.000.000 đồng.

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà A và bà B trình bày thống nhất bà B có tham gia chơi hụi do bà A làm chủ thảo, hụi khai ngày 30/01/2015 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng/phần, dây hụi có 20 phần, hụi khai vào ngày 30 tháng 01, tháng 5, tháng 9 hàng năm, bà B tham gia 01 phần. Trong dây hụi này bà B hốt hụi ở kỳ khai thứ 04 được số tiền 68.100.000 đồng, sau đó bà B đóng hụi đến kỳ khai thứ 12 thì ngưng, bà A đã bỏ tiền ra choàng 08 kỳ hụi, mỗi kỳ 5.000.000 đồng. Hiện nay dây hụi này đã mãn, do đó bà A yêu cầu bà B và ông C có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền hụi mà bà A đã đóng thay là 40.000.000 đồng (8 kỳ x 5.000.000đ/kỳ).

Bà B thừa nhận còn nợ bà Nga 40.000.000 đồng tiền hụi chưa đóng và đồng ý trả cho bà A số tiền hụi này, bà B trình bày số tiền hốt hụi bà B mang về chỉ tiêu trong gia đình, ông C trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, ông C đã biết được yêu cầu khởi kiện của bà A buộc ông C liên đới trả khoản nợ hụi này nhưng ông C không có ý kiến phản đối.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biếu, phường của Chính phủ thì “Nghĩa vụ của chủ họ ... giao các phần họ cho thành viên lãnh họ tại mỗi kỳ mở họ” và Điều 23 “Trách nhiệm của chủ họ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lãnh họ: Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao các phần họ cho thành viên được lãnh họ thì chủ họ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau: 1. Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này.”

Do đó căn cứ vào Điều 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà B và ông C có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà A số tiền hụi 40.000.000 đồng.

Bà A không yêu cầu tính lãi nên không đề cập đến.

[3.2] Về nội dung tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

Bà A khởi kiện yêu cầu bà B, ông C có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vay 8.600.000 đồng.

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào năm 2019, bà A có cho bà B, ông C vay số tiền 8.600.000 đồng, khi vay không có làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất, bà Hồng hứa 01 năm trả nhưng đến nay không trả, bà B thừa nhận có vay bà A số tiền 8.600.000 đồng, ông C trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, ông C đã biết được yêu cầu khởi kiện của bà A buộc ông C liên đới trả khoản nợ vay này nhưng ông C không có ý kiến phản đối.

Do đó có căn cứ xác định bà B, ông C có vay của bà A 8.600.000 đồng hiện chưa trả nên yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc ông C, bà B liên đới trả cho bà A 8.600.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà B và ông C có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà A số tiền 8.600.000 đồng.

Bà A không yêu cầu tính lãi nên không đề cập đến.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà B, ông C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, họ, biếu, phườn của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản*” đối với bà B, ông C.

Buộc bà B, ông C có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà A số tiền hụi và số tiền vay tổng cộng là 48.600.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bà B, ông C còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại **khoản 2 Điều 468** Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà B, ông C phải liên đới nộp 2.430.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà A 1.215.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0002063 ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện Thủ Thừa,
- Chi cục THA huyện Thủ Thừa,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị Thùy Diễm